

Số: 1006/PGDDĐT

Uông Bí, ngày 03 tháng 10 năm 2022

V/v hướng dẫn triển khai thực hiện
nhiệm vụ năm học 2022 - 2023
đối với giáo dục dân tộc

Kính gửi: Các trường MN, TH, THCS, TH&THCS trên địa bàn
thành phố.

Thực hiện Chỉ thị số 1112/CT-BGDĐT ngày 19/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) về thực hiện nhiệm vụ trọng tâm năm học 2022-2023; Quyết định số 2372/QĐ-UBND ngày 18/8/2022 của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh ban hành kế hoạch thời gian năm học 2022-2023 của giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh; Công văn số 4466/BGDĐT-GDDT ngày 13/9/2022 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học 2022 - 2023 đối với giáo dục dân tộc (GDDT); Công văn số 2689/SGDDĐT-GDPT ngày 25 tháng 9 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ninh về việc hướng dẫn triển khai thực hiện nhiệm vụ năm học 2022 - 2023 đối với giáo dục dân tộc, Phòng GDĐT triển khai thực hiện nhiệm vụ năm học 2022-2023 đối với giáo dục dân tộc như sau:

A. NHIỆM VỤ CHUNG

1. Tiếp tục thực hiện hiệu quả các chỉ thị, nghị quyết, chủ trương của Đảng và Nhà nước về đổi mới và phát triển giáo dục vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi (DTTS, MN)¹;

2. Ưu tiên nguồn lực để đầu tư và phát triển GDDT. Thực hiện tốt chính sách đối với người dạy, người học, cơ sở giáo dục vùng đồng bào DTTS, MN; tiếp tục thực hiện nghiêm túc các chính sách hỗ trợ người dạy, người học và cơ sở giáo dục ở vùng DTTS, MN;

3. Thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông 2018 phù hợp với vùng đồng bào DTTS, MN. Tăng cường các giải pháp đồng bộ nhằm nâng cao

¹ Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; Kết luận số 51-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo; Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 15/6/2016 của Chính phủ về đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 402/QĐ-TTg ngày 14/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người DTTS trong thời kỳ mới”; Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030; Nghị quyết số 12/NQ-CP ngày 15/02/2020 của Chính phủ về Triển khai thực hiện Nghị quyết số 88/2019/QH14 của Quốc hội; Quyết định số 1205/QĐ-BGDĐT ngày 15/5/2020 của Bộ GDĐT ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 12/NQ-CP ngày 15/02/2020 của Chính phủ về Triển khai thực hiện Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS, MN giai đoạn 2021 - 2030; Quyết định số 588/QĐ-TTg ngày 17/5/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án vận động nguồn lực xã hội hỗ trợ trẻ em các xã đặc biệt khó khăn thuộc vùng DTTS, MN giai đoạn 2019-2025; Kế hoạch số 29/KH-BGDĐT ngày 11/01/2021 về việc kết nối nguồn lực xây dựng trường học an toàn, thân thiện cho trẻ em, học sinh giai đoạn 2021-2025.

chất lượng giáo dục của các cơ sở giáo dục vùng DTTS, MN; tiếp tục tham gia ý kiến góp ý Đề án “Phát triển Trường phổ thông dân tộc nội trú chất lượng cao tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030”;

4. Tiếp tục đổi mới và tăng cường công tác quản lý GDDT, công tác thông tin và truyền thông về GDDT.

B. NHIỆM VỤ CỤ THỂ

I. NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC VÙNG DTTS, MN

1. Rà soát, sắp xếp mạng lưới trường lớp, duy trì số lượng và nâng cao chất lượng giáo dục trẻ em, học sinh DTTS ở các cấp học

1.1. Tiếp tục rà soát, sắp xếp mạng lưới các cơ sở giáo dục vùng DTTS, MN. Việc sắp xếp phải bảo đảm nguyên tắc có lộ trình cụ thể, hợp lý, thuận lợi cho việc học tập của HS, gắn với các điều kiện bảo đảm chất lượng, đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục mầm non, phổ thông.

1.2. Các trường học ở vùng DTTS, thực hiện các giải pháp đảm bảo tăng tỷ lệ trẻ, HS DTTS ở các cấp học, bậc học từ mầm non đến phổ thông đi học đúng độ tuổi; duy trì, giữ vững và nâng cao kết quả phổ cập giáo dục (PCGD) các cấp, tỷ lệ HS chuyên cần, giảm tỉ lệ HS bỏ học, nghỉ học hoàn thành các chỉ tiêu phát triển giáo dục bền vững đối với vùng đồng bào DTTS.

1.3. Tiếp tục tập trung chỉ đạo thực hiện tốt công tác kiểm định, đánh giá các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục của các cơ sở giáo dục ở địa phương; trên cơ sở đó, tăng cường các giải pháp đồng bộ, thiết thực, phù hợp với điều kiện thực tế để nâng cao chất lượng giáo dục các cấp học vùng DTTS, MN.

1.4. Tiếp tục tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học các cơ sở giáo dục vùng DTTS, MN đáp ứng yêu cầu thực hiện chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp 1, 2, lớp 3, lớp 6, lớp 7 và lớp 10. Tiếp tục thực hiện lồng ghép có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS, MN giai đoạn 2021- 2030, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 để đầu tư cơ sở vật chất cho các cơ sở giáo dục vùng DTTS, MN. Tiếp tục rà soát, đánh giá thực trạng cơ sở vật chất trường, lớp, công trình và lập kế hoạch cải tạo, sửa chữa để đảm bảo an toàn cho học sinh và giáo viên, đặc biệt chú ý đối với các trường ở khu vực có nguy cơ sạt lở đất, gần sông suối; chủ động ứng phó thiên tai, mưa lũ, bão lớn theo chỉ đạo của Bộ GDĐT².

² Công văn số 64/BGDĐT-CSVC ngày 09/01/2018 về việc cải tạo và bảo trì cơ sở vật chất trường học đảm bảo an toàn cho học sinh; Công văn số 3455/BGDĐT-CSVC ngày 08/9/2020 kiểm tra, rà soát cơ sở vật chất trường học đảm bảo an toàn cho học sinh; Công văn số 3782/BGDĐT-CSVC ngày 01/9/2021 về việc chủ động ứng phó thiên tai, mưa lũ, bão lớn trong bối cảnh dịch bệnh Covid- 19 diễn biến phức tạp.

1.5. Tăng cường các hoạt động giao lưu, kết nghĩa giữa các địa phương, các đơn vị, tổ chức, cơ sở giáo dục nhằm tạo điều kiện cho cán bộ quản lý, giáo viên ở các trường vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn được giao lưu, học hỏi về chuyên môn, nghiệp vụ và hiểu biết về bản sắc dân tộc.

2. Tăng cường tiếng Việt cho HS DTTS

Tiếp tục thực hiện giai đoạn II của Đề án “Tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016- 2020, định hướng đến 2025”³, trong đó, quan tâm triển khai tổ chức các hoạt động và giải pháp tăng cường tiếng Việt cho trẻ mầm non, học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số⁴, cụ thể: Nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ quản lý, giáo viên về việc tăng cường tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số; tham mưu UBND các cấp bố trí kinh phí tổ chức triển khai các hoạt động tăng cường tiếng Việt cho trẻ mầm non, học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số hàng năm; tiếp tục thực hiện các giải pháp tăng cường tiếng Việt cho trẻ, học sinh vùng dân tộc thiểu số linh hoạt, phù hợp với điều kiện của từng địa phương; tăng cường kiểm tra, giám sát, tư vấn, hỗ trợ việc triển khai các hoạt động tăng cường tiếng Việt sử dụng các tài liệu đã được Bộ GDĐT tổ chức biên soạn, thẩm định và phê duyệt theo tình hình thực tế của địa phương.

3. Dạy học tiếng dân tộc thiểu số

- Triển khai Kế hoạch số 2067/KH-UBND ngày 21/7/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch triển khai Quyết định số 142/QĐ-TTg ngày 27/01/2022/QĐ-TTg ngày 27/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình "Nâng cao chất lượng các môn học tiếng dân tộc thiểu số trong chương trình giáo dục phổ thông giai đoạn 2021 - 2030" trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh. Trong đó chỉ đạo thực hiện tích hợp, lồng ghép tiếng dân tộc thiểu số vào các hoạt động giáo dục trong nhà trường.

- Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 38/2004/CT-TTg ngày 29/11/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng tiếng DTTS đối với cán bộ, công chức công tác ở vùng DTTS, MN và Thông tư 36/2012/TT-BGDĐT ngày 24/10/2012 của Bộ GDĐT ban hành quy định về tổ chức dạy học, kiểm tra và cấp chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số.

- Cán bộ, công chức, viên chức DTTS học tiếng DTTS tại trung tâm giáo dục thường xuyên và trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên được hưởng chế độ đào tạo, bồi dưỡng của cán bộ, công chức, viên chức nhà nước

³ Quyết định số 1008/QĐ-TTg ngày 02/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

⁴ Kế hoạch số 1669/KH-SGDĐT ngày 15/6/2021 của Sở GDĐT.

III. THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH GIÁO DỤC DÂN TỘC

1. Thực hiện chế độ, chính sách hiện hành

1.1. Tiếp tục thực hiện đúng, đủ, kịp thời các chế độ, chính sách đối với người dạy, người học và các cơ sở giáo dục ở vùng DTTS, MN. Trên cơ sở các quy định về chế độ chính sách được Trung ương và Tỉnh quy định, các Phòng GDĐT căn cứ chức năng và nhiệm vụ để tiếp tục tham mưu cho UBND cấp huyện phương án cụ thể để thực hiện chế độ, chính sách cho các đối tượng được thụ hưởng đảm bảo quy định.

- Chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên các dân tộc thiểu số rất ít người: Thực hiện theo Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ;

- Về học bổng khuyến khích học tập, học bổng chính sách cho HS: Thực hiện theo Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của luật giáo dục.

- Về chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; Nghị quyết số 21/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của HĐND tỉnh về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và các đối tượng khó khăn khác trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh; Nghị quyết số 65/2021/NQ-HĐND ngày 9/12/2021 của HĐND tỉnh quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập của tỉnh Quảng Ninh từ năm học 2021-2022 đến năm học 2025-2026; Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 31/8/2022 của HĐND tỉnh Quảng Ninh về việc hỗ trợ học phí cho trẻ mầm non, học sinh phổ thông, học viên giáo dục thường xuyên đang học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm học 2022-2023.

- Chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn quy định tại Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 của chính phủ; chế độ phụ cấp thâm niên nhà giáo quy định tại Nghị định số 77/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 của Chính phủ.

- Thực hiện chính sách hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ mầm non và chế độ bán trú ngày, bán trú tuần đối với học sinh tiểu học, THCS: Thực hiện theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ, chính sách đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên DTTS và các chính sách hiện hành đối với học sinh; Nghị quyết số 204/2019/NQ-HĐND ngày 30/7/2019 và Nghị quyết số 248/2020/NQ-HĐND ngày 31/3/2020 của HĐND tỉnh; Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của HĐND tỉnh Quảng Ninh về phê duyệt Chương trình tổng thể phát triển bền vững KT-XH gắn với bảo đảm vững chắc

quốc phòng - an ninh ở các xã, thôn, bản vùng DTTS, MN, biên giới, hải đảo tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

1.2. Thực hiện nghiêm túc chế độ cử tuyển đối với HS DTTS, bảo đảm cử tuyển đúng đối tượng, đúng tiêu chuẩn, khách quan, công bằng, công khai, minh bạch. Chú trọng công tác tham mưu xây dựng kế hoạch của địa phương để đảm bảo người đi học cử tuyển được xét và bố trí việc làm sau khi tốt nghiệp. Thực hiện tốt cơ chế phối hợp quản lý giữa địa phương với cơ sở đào tạo (nếu có).

2. Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS, MN giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025

- Triển khai Kế hoạch số 3826/KH-SGDĐT ngày 21/12/2021 của Sở GDĐT về việc triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS, MN và Chương trình tổng thể phát triển kinh tế - xã hội gắn với đảm bảo vững chắc quốc phòng an ninh ở các xã, thôn bản vùng đồng bào DTTS, MN, biên giới, hải đảo tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021 - 2025. Trong đó, các Phòng GDĐT, các trường có cấp THPT tham mưu, triển khai các nội dung, nhiệm vụ theo phân cấp quản lý để thực hiện nhiệm vụ đảm bảo chất lượng, hiệu quả.

- Tập trung triển khai thực hiện Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (gọi là Quyết định số 1719/QĐ-TTg) theo sự phân công của ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Tập trung rà soát các trường chưa có cơ sở vật chất hoặc có nhưng còn phải thuê, mượn hoặc xuống cấp; những điểm nóng, bức xúc, thiếu cơ sở vật chất, trang thiết bị bàn ghế, đồ dùng... cho học sinh nội trú, bán trú để tham mưu UBND cấp huyện xây dựng kế hoạch bố trí vốn đầu tư theo thứ tự ưu tiên, đúng đối tượng thụ hưởng. Triển khai đầu tư theo định hướng tập trung, cuốn chiếu, dứt điểm, ưu tiên địa bàn, cơ sở giáo dục khó khăn, không dãn trải nhằm đảm bảo hoàn thành mục tiêu nhiệm vụ của Tiểu dự án 1 - Dự án 5 thuộc Quyết định số 1719/QĐ-TTg một cách bền vững.

3. Thực hiện công tác tham mưu ban hành chính sách phát triển giáo dục dân tộc địa phương

- Tiếp tục rà soát, đánh giá tác động của chính sách mới ban hành⁵, ảnh hưởng của thiên tai, dịch bệnh đến người dạy, người học ở vùng DTTS, MN để kịp thời tham mưu điều chỉnh, bổ sung hoặc ban hành các chính sách hỗ trợ kịp thời.

- Tích cực tham gia ý kiến cho các dự thảo văn bản quy định về chế độ, chính sách phát triển giáo dục dân tộc của Trung ương, của Tỉnh.

⁵ Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc

IV. TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ GIÁO DỤC DÂN TỘC

1. Thực hiện nghiêm túc phân cấp quản lý về GDDT theo các quy định hiện hành; đề xuất các cơ chế chính sách, giải pháp thiết thực, cụ thể nhằm nâng cao chất lượng GDDT.

2. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản lý, chỉ đạo GDDT. Mỗi đơn vị trường có HS DTTS phải có bộ phận đầu mối quản lý, phụ trách về GDDT theo tinh thần của Quyết định số 402/QĐ-TTg ngày 14/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người DTTS trong thời kỳ mới”.

3. Tiếp tục đổi mới quản lý giáo dục dân tộc gắn với việc tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý cơ sở dữ liệu về GDDT của địa phương theo các cấp học và theo từng DTTS. Thực hiện tốt công tác thông tin giữa Phòng GDĐT và các đơn vị về GDDT, bảo đảm đáp ứng có chất lượng, kịp thời các văn bản chỉ đạo về GDDT của Bộ GDĐT và Sở GDĐT.

4. Tăng cường công tác kiểm tra đánh giá các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục vùng DTTS, MN: số lượng, chất lượng cơ cấu đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, cơ sở vật chất thiết bị của cơ sở giáo dục vùng DTTS, MN; dạy học tiếng Việt cho trẻ em, HS DTTS; dạy tiếng DTTS cho cán bộ, công chức, viên chức ngành giáo dục công tác ở vùng DTTS, MN; dạy học ngoại ngữ và giáo dục văn hóa dân tộc trong các cơ sở giáo dục vùng DTTS, MN.

V. ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC TRUYỀN THÔNG TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC DÂN TỘC

1. Tiếp tục tổ chức quán triệt, tuyên truyền về các chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước, Chính phủ và Bộ GDĐT về đổi mới GDĐT, đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông, chuẩn bị các điều kiện cơ sở vật chất đảm bảo thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018; các chủ trương, chính sách mới của Trung ương, của Tỉnh về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS, MN, trong đó có các định hướng, nhiệm vụ và giải pháp về đổi mới GDDT.

2. Chủ động, kịp thời xử lý các vấn đề truyền thông liên quan đến giáo dục dân tộc của địa phương. Tăng cường truyền thông rộng rãi những tấm gương người tốt, việc tốt, biểu dương những nỗ lực của các em HS, thầy cô giáo, cán bộ quản lý giáo dục nhằm khích lệ, động viên, tạo sức lan tỏa sâu rộng trong ngành giáo dục và xã hội.

3. Nâng cao nhận thức, kỹ năng, nghiệp vụ thông tin, tuyên truyền cho cán bộ quản lý, giáo viên về những kết quả đã đạt được để tạo được sự đồng thuận, ủng hộ của xã hội về các chính sách, chủ trương đổi mới GDDT.

4. Phối hợp cung cấp thông tin với các cơ quan báo chí địa phương về các nội dung mang tính thời sự, đột xuất nhằm định hướng tốt dư luận.

C. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các đơn vị căn cứ vào điều kiện thực tế của trường triển khai thực hiện nhiệm vụ năm học 2022-2023 đối với giáo dục dân tộc cụ thể, phù hợp.

2. Các đơn vị chấp hành các chế độ báo cáo⁶, thực hiện đầy đủ và đúng thời hạn theo quy định của Phòng GDĐT.

Căn cứ hướng dẫn trên của Phòng GDĐT về triển khai nhiệm vụ năm học 2022-2023 đối với GDDT, các đơn vị triển khai thực hiện, mọi vướng mắc báo cáo về Phòng GDĐT (qua bộ phận CM THCS) để kịp thời hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- Như trên (t/h);
- Lưu: VT, CM.

**PHỤ TRÁCH PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Trần Thị Hồng Thu

⁶(1) Báo cáo định kỳ:

- Báo cáo số liệu: trước ngày 01/11/2022
- Báo cáo tổng kết năm học 2022-2023: trước ngày 30/6/2023.

(2) Báo cáo theo các văn bản chỉ đạo của cấp trên.